

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA PHÁP LUẬT TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM

1. Trước khi Luật trọng tài thương mại năm 2010 được ban hành

Phương thức tổ tụng trọng tài đã hình thành và phát triển ở Việt Nam từ lâu, song chỉ trong thời gian gần đây, trọng tài thương mại theo đúng các chuẩn mực trên thế giới mới được công nhận rộng rãi và luật hóa.

1.1. Giai đoạn trước những năm 60 của thế kỷ XX

Vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX ở nước ta đã có các toà án thương mại và các quy tắc trọng tài trong luật tổ tụng dân sự. Tuy nhiên, do nhiều lý do và hoàn cảnh khác nhau, trọng tài chưa được biết đến và sử dụng một cách phổ biến.

1.2. Giai đoạn từ những năm 60 của thế kỷ XX đến trước khi ban hành Pháp lệnh trọng tài thương mại năm 2003

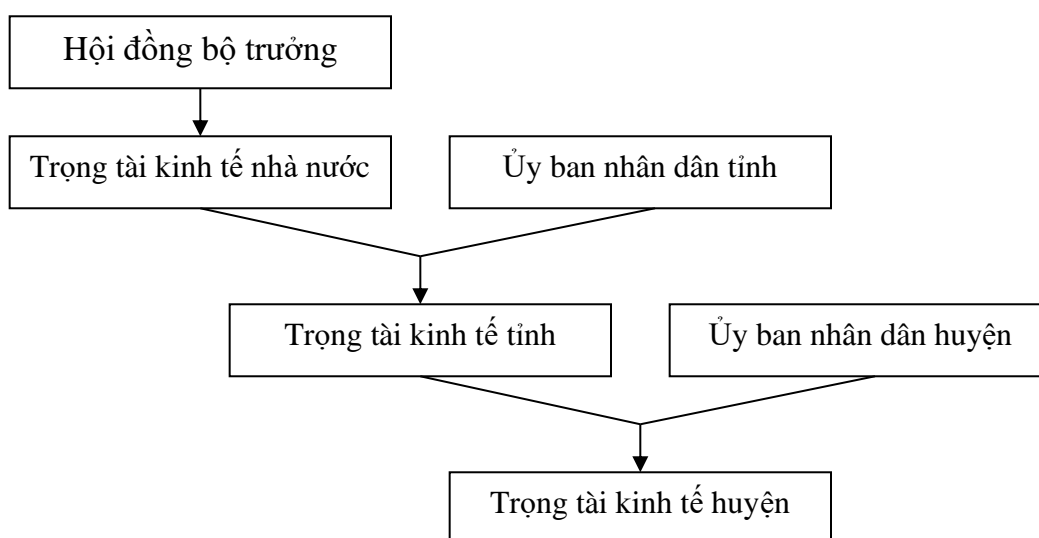
Trước khi có Pháp lệnh Trọng tài thương mại năm 2003, ở Việt Nam tồn tại hai loại hình trọng tài, một là trọng tài kinh tế nhà nước và hai là trọng tài phi nhà nước.

- Trọng tài kinh tế nhà nước:

Trọng tài kinh tế nhà nước là mô hình trọng tài do Nhà nước thành lập ra, có chức năng giải quyết các tranh chấp phát sinh từ các hợp đồng kinh tế giữa các doanh nghiệp nhà nước. Mô hình này được xác lập bằng Nghị định 20/TTg ngày 14/04/1960, trước khi được nâng cấp tại Pháp lệnh Trọng tài kinh tế nhà nước năm 1990, theo đó, trọng tài được tổ chức ở ba cấp, đó là trọng tài kinh tế nhà nước, trọng tài kinh tế tỉnh và trọng tài kinh tế huyện. Như vậy, thực chất, trọng tài kinh tế nhà nước là cơ quan của Nhà nước, vừa thực hiện chức năng quản lý kinh tế, vừa thực hiện chức năng xét xử của Tòa án nhằm giải quyết các tranh chấp kinh tế giữa các

tổ chức kinh tế nhà nước, chưa thể hiện được vai trò trọng tài. Trong khi đó toà án nhân dân thời kỳ này không có thẩm quyền giải quyết các loại tranh chấp kinh tế mà chỉ có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp dân sự giữa các cá nhân với nhau, chủ yếu là các vấn đề hôn nhân và gia đình hoặc tranh chấp liên quan đến hàng hoá có mục đích để sử dụng cá nhân và tiêu dùng. Mô hình trọng tài kinh tế tồn tại đến năm 1993 và bị thay thế bởi hệ thống Tòa án kinh tế theo Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Tòa án năm 1993. Bắt đầu từ thời điểm này, các Tòa án kinh tế sẽ giải quyết các tranh chấp kinh tế.

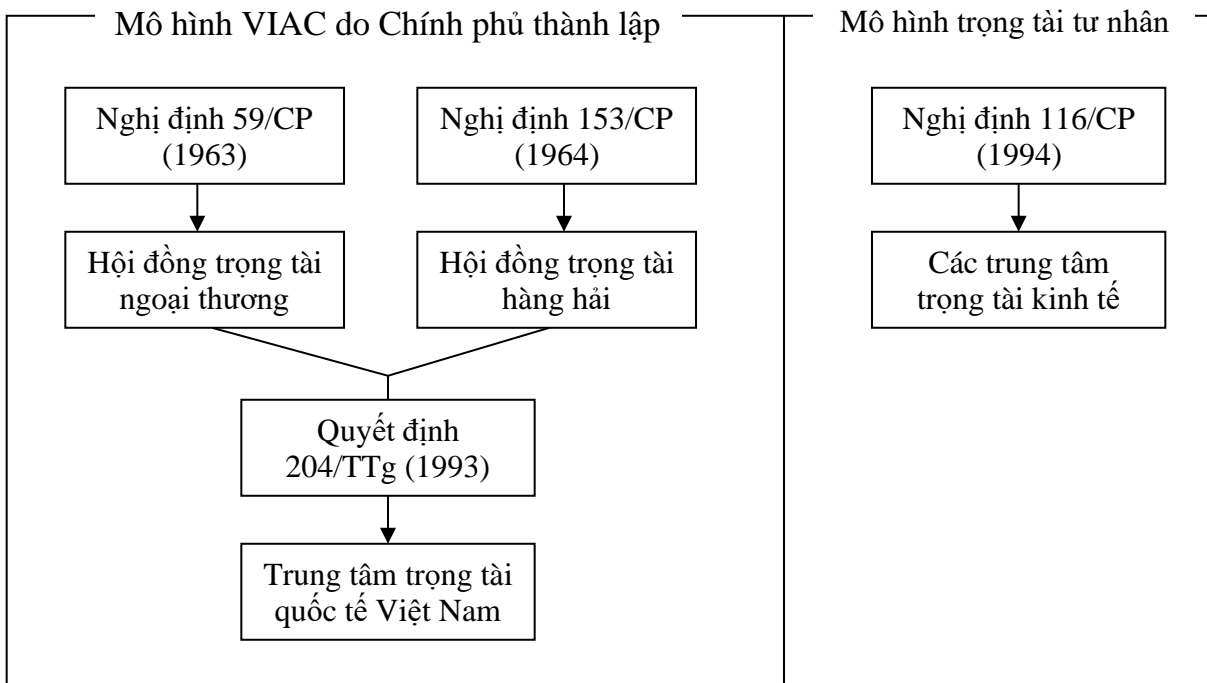
Tổ chức bộ máy trọng tài kinh tế nhà nước trước năm 1993



- Trọng tài kinh tế phi nhà nước:

Đối với trọng tài phi nhà nước, tồn tại hai mô hình khác nhau. Mô hình thứ nhất ra đời từ năm 1963 bằng Nghị định số 59/CP ngày 30/4/1963 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng Trọng tài ngoại thương. Tiếp sau đó, ngày 05/10/1964, Hội đồng Chính phủ ban hành Nghị định số 153/CP về việc thành lập Hội đồng Trọng tài hàng hải. Đến ngày 28/4/1993, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 204/TTg về việc thành lập Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt

Nam (VIAC) bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, trên cơ sở hợp nhất Hội đồng Trọng tài ngoại thương và Hội đồng Trọng tài thương mại hàng hải. Mô hình trọng tài thứ hai là các trung tâm trọng tài kinh tế được thành lập theo Nghị định số 116/CP ngày 05/09/1994 của Chính phủ. Có 05 trung tâm trọng tài được thành lập theo Nghị định này (02 Trung tâm tại thành phố Hà Nội, 01 Trung tâm tại thành phố Hồ Chí Minh, 01 Trung tâm tại Cần Thơ và 01 Trung tâm tại Bắc Giang).



Như vậy, tuy mang bản chất phi nhà nước nhưng trọng tài thương mại tại Việt Nam vẫn được hình thành chủ yếu từ định hướng của nhà nước và chịu sự điều chỉnh của nhiều quy định pháp luật khác nhau. Cụ thể, VIAC hoạt động theo Quyết định số 204/TTg ngày 28/4/1993 của Thủ tướng Chính phủ, có Điều lệ và Quy tắc tổ tụng riêng, không có bất kỳ liên quan nào đến loại hình trọng tài theo Nghị định số 116/CP. Trong khi đó, năm trung tâm trọng tài còn lại được thành lập theo Nghị định

số 116/CP, chịu sự điều chỉnh duy nhất của Nghị định này, và không có liên quan gì đến Quyết định số 204/TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Ngoài việc thành lập mới các trung tâm trọng tài như trên, năm 1995, Việt Nam còn gia nhập Công ước New York về việc công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài. Việc gia nhập công ước nghĩa là bất kỳ phán quyết trọng tài nào tại bất kỳ nước nào là thành viên công ước mà có một bên của phán quyết ở Việt Nam hoặc tài sản ở Việt Nam thì đều có thể được Nhà nước Việt Nam công nhận và bảo hộ thi hành. Ngược lại, bất kỳ phán quyết nào của trọng tài Việt Nam cũng có thể được công nhận và cho thi hành ở bất kỳ nước thành viên nào của công ước.

Có thể nói việc giải thể trọng tài kinh tế nhà nước, thành lập các trung tâm trọng tài thương mại độc lập năm 1993, 1994, và tham gia Công ước New York đã đánh dấu một bước ngoặt quan trọng khi Nhà nước trả trọng tài thương mại về đúng bản chất và chức năng của nó, đánh dấu sự cải thiện đáng kể môi trường pháp lý nhằm tạo thuận lợi trong việc thu hút đầu tư nước ngoài.

Tuy nhiên, bên cạnh những tiến bộ đáng chú ý nêu trên, trong giai đoạn sơ khai này, vẫn không có một đạo luật về trọng tài thống nhất điều chỉnh hệ thống trọng tài trong nước và trọng tài quốc tế. Thêm vào đó, quyết định giải quyết tranh chấp của trọng tài không được bảo đảm thi hành. Vì thế, mô hình trọng tài thương mại chưa thực sự đạt được những thành tựu đáng kể trên hành trình tiếp cận những chuẩn mực của trọng tài thương mại hiện đại.

1.3. Giai đoạn kể từ khi ban hành Pháp lệnh trọng tài thương mại 2003 đến trước khi ban hành Luật trọng tài thương mại 2010:

Để bảo đảm cơ sở pháp lý cho hoạt động của các trung tâm trọng tài thương mại thay cho hoạt động của các trọng tài kinh tế, ngày 25 tháng 02 năm 2003, Ủy

ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh trọng tài thương mại, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2003.

a) Thành tựu đạt được

Về cơ bản Pháp lệnh phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế trong việc điều chỉnh các vấn đề chủ yếu của trọng tài như quy định về hiệu lực của thoả thuận trọng tài, điều kiện trở thành trọng tài viên, quy định về trọng tài vụ việc, mở rộng thẩm quyền chọn trọng tài viên, ghi nhận mối quan hệ giữa trọng tài và toà án bằng một loạt các quy định cụ thể như hỗ trợ thi hành thoả thuận trọng tài, chỉ định Trọng tài viên, giải quyết khiếu nại về thẩm quyền của hội đồng trọng tài, áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, giải quyết yêu cầu huỷ quyết định trọng tài, lưu trữ hồ sơ trọng tài v.v. Qua thực hiện, Pháp lệnh đã đạt được một số thành công nhất định sau đây:

Thứ nhất, ý nghĩa về mặt điều chỉnh pháp luật. Từ khi nền kinh tế nước ta chuyển từ tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường, trọng tài thực sự đã chuyển từ một cơ quan hành chính nhà nước có chức năng giải quyết tranh chấp sang thành một tổ chức có chức năng tài phán. Sự ra đời của Pháp lệnh là mốc quan trọng trong lịch sử phát triển của pháp luật về trọng tài của Việt Nam. Đó là nền tảng pháp lý cho trọng tài Việt Nam tiếp cận, hoà nhập với trọng tài của các nước phát triển. Kể từ đây, trọng tài được hiểu là phương thức giải quyết tranh chấp hoàn toàn do các bên thoả thuận, lựa chọn.

Thứ hai, về mô hình, cơ cấu tổ chức của trọng tài. Phù hợp với thực tiễn của nhiều nước trên thế giới, Pháp lệnh thừa nhận hai hình thức trọng tài gồm các trung tâm trọng tài hay còn gọi là trọng tài thường trực hoặc tổ chức trọng tài và trọng tài vụ việc hay còn gọi là trọng tài adhoc. Sự thừa nhận hai hình thức trọng tài là điểm đổi mới đáng kể trong nội dung của Pháp lệnh. Đây là lần đầu tiên hình thức trọng tài vụ việc được thừa nhận chính thức trong Pháp lệnh. Quy định đó tạo điều kiện

cho các bên tranh chấp toàn quyền tự do lựa chọn cho mình hình thức trọng tài phù hợp nhất để giải quyết tranh chấp.

Thứ ba, về phạm vi thẩm quyền của trọng tài. Pháp lệnh xác định phạm vi thẩm quyền theo cách liệt kê các loại việc Trọng tài được giải quyết. Theo đó, trọng tài có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại hiểu theo nghĩa rộng theo đúng tinh thần của Luật mẫu về Trọng tài thương mại Quốc tế của Ủy ban Pháp luật Thương mại Quốc tế Liên hợp quốc (Luật Mẫu UNCITRAL). Việc đưa ra định nghĩa khái niệm thương mại là bước đột phá lớn thể hiện tính tiên phong trong công tác lập pháp vào thời điểm đó.

Thứ tư, Pháp lệnh đã đưa ra cơ chế xác định về hiệu lực pháp lý của thoả thuận trọng tài phù hợp hơn, làm cơ sở cho việc phân định thẩm quyền giữa trọng tài và Tòa án. Theo đó, trọng tài chỉ có thẩm quyền giải quyết tranh chấp khi các bên có thoả thuận trọng tài, đồng thời Tòa án phải từ chối giải quyết vụ tranh chấp khi các bên đã có thoả thuận trọng tài, trừ khi thoả thuận trọng tài vô hiệu.

Ngoài ra, Pháp lệnh đã giải quyết được vấn đề thoả thuận trọng tài vô hiệu làm căn cứ để các bên có thể khởi kiện ra Tòa án. Quy định này đảm bảo mọi tranh chấp phát sinh đều được giải quyết, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tranh chấp.

Thứ năm, Pháp lệnh đã xác định rõ những nguyên tắc quan trọng nhất của tố tụng trọng tài đó là nguyên tắc tôn trọng sự tự định đoạt và bình đẳng của các bên tranh chấp. Trong quá trình tố tụng trọng tài, các bên được tự do lựa chọn hình thức trọng tài, tự do thoả thuận về cách thức chỉ định trọng tài viên, thay đổi trọng tài viên, địa điểm trọng tài, ngôn ngữ trọng tài, luật áp dụng để giải quyết vụ tranh chấp v.v. Bên cạnh đó là các nguyên tắc độc lập của Trọng tài viên trong quá trình giải quyết tranh chấp; nguyên tắc giữ bí mật thông tin về tranh chấp và giải quyết tranh

chấp v.v. Đây là những nguyên tắc phổ biến đã được Luật Mẫu UNCITRAL xác định và được sự thừa nhận chung trong hoạt động của Trọng tài trên thế giới.

Thứ sáu, Pháp lệnh đã quy định sự hỗ trợ của Nhà nước mà cụ thể là của Tòa án đối với trọng tài bằng một loạt các quy định từ việc xác định hiệu lực pháp lý của thỏa thuận trọng tài, chỉ định trọng tài viên, giải quyết khiếu nại về thẩm quyền của hội đồng trọng tài, áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, giải quyết yêu cầu hủy quyết định trọng tài và lưu trữ hồ sơ trọng tài. Đây là vấn đề quan trọng được cộng đồng doanh nghiệp quan tâm và mong đợi nhất. Với việc ban hành một loạt các quy định trong đó xác lập vai trò của Tòa án đối với trọng tài, Pháp lệnh đã lấp đầy “khoảng trống” của hệ thống pháp luật trọng tài trước đây. Điều này sẽ góp phần làm tăng tính hấp dẫn và hiệu quả của trọng tài, đồng thời sẽ góp phần thúc đẩy trọng tài phát triển. Có thể gọi đây là một sự tiếp sức cho Trọng tài, thể hiện quan điểm của Nhà nước trong việc đa dạng hoá phương thức giải quyết tranh chấp và tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các chủ thể kinh doanh được sự bảo hộ của Nhà nước về mặt pháp lý trong quá trình thực hiện các giao dịch thương mại.

Thứ bảy, Pháp lệnh đã xác lập được giá trị pháp lý của phán quyết trọng tài, hiệu lực của phán quyết trọng tài. Các phán quyết trọng tài có giá trị pháp lý và được thi hành như các bản án của Tòa án, tạo được niềm tin cho doanh nghiệp. Điều này đã hoàn toàn khắc phục được tình trạng trước đây đó là phán quyết trọng tài được tuyên nhưng không có bất kỳ cơ chế thi hành nào khiến doanh nghiệp mất lòng tin khi lựa chọn trọng tài để giải quyết tranh chấp.

b) Tôn tại, hạn chế

Sự ra đời của Pháp lệnh là mốc quan trọng trong lịch sử phát triển của pháp luật về trọng tài của Việt Nam. Đó là nền tảng pháp lý cho trọng tài Việt Nam tiếp cận, hoà nhập với trọng tài của các nước phát triển. Tuy nhiên qua sáu năm áp dụng cùng với sự xuất hiện của nhiều nhân tố mới như Việt Nam đã là thành viên của Tổ

chức Thương mại Thế giới, với sự xuất hiện của các đạo luật mới: Luật thương mại năm 2005, Luật đầu tư năm 2005, v.v. một số quy định của Pháp lệnh đã bộc lộ bất cập và không còn phù hợp với tình hình mới.

Thứ nhất, mặc dù Pháp lệnh đã quy định thẩm quyền của trọng tài trong giải quyết tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại cũng như đưa ra khái niệm “hoạt động thương mại” tương đối rộng, gồm “mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; phân phối; đại diện, đại lý thương mại; ký gửi; thuê, cho thuê; thuê mua; xây dựng; tư vấn; kỹ thuật; li - xăng; đầu tư; tài chính, ngân hàng; bảo hiểm; thăm dò, khai thác; vận chuyển hàng hóa, hành khách bằng đường hàng không, đường biển, đường sắt, đường bộ và các hành vi thương mại khác theo quy định”, nhưng trong quá trình thực thi vẫn phát sinh nhiều cách hiểu khác nhau dẫn đến tranh cãi về phạm vi áp dụng của Pháp lệnh, chẳng hạn đối với những tranh chấp phát sinh trong nội bộ doanh nghiệp, hay tranh chấp liên quan đến việc mua bán cổ phiếu, trái phiếu,...

Thứ hai, Pháp lệnh quy định chủ thể được yêu cầu giải quyết tranh chấp bằng trọng tài là “tổ chức, cá nhân kinh doanh” nhưng lại không có hướng dẫn cụ thể dẫn đến hiểu không thống nhất về việc đối tượng này có bắt buộc phải có đăng ký kinh doanh hay không. Mặt khác, nhiều tổ chức như các ban quản lý dự án, cơ quan hành chính sự nghiệp tham gia đấu thầu hoặc giao kết các hợp đồng, kể cả các hợp đồng mua sắm chính phủ, trong đó sử dụng trọng tài theo khuyến nghị của các nhà tài trợ, định chế tài chính quốc tế như Ngân hàng thế giới, Ngân hàng Phát triển châu Á lại không được phép lựa chọn trọng tài theo Pháp lệnh vì không phải là tổ chức kinh doanh.

Thứ ba, về thỏa thuận trọng tài, Pháp lệnh đã xác định được tiêu chí hình thức bắt buộc đó là thỏa thuận trọng tài phải được lập bằng văn bản. Tuy nhiên, nội hàm của khái niệm “văn bản” vẫn còn hẹp so với Luật Mẫu và luật trọng tài của các nước. Mặt khác, việc quy định thỏa thuận trọng tài vô hiệu khi thỏa thuận trọng tài quy

định “không xác định rõ tổ chức trọng tài có thẩm quyền giải quyết tranh chấp” là không hợp lý và không phù hợp với pháp luật và thực tiễn trọng tài quốc tế. Ngoài ra, Pháp lệnh đã bỏ sót một chế định rất cơ bản đó là vấn đề thỏa thuận trọng tài “không thực hiện được hoặc không thể thực hiện được”.

Thứ năm, về biện pháp khẩn cấp tạm thời: Pháp lệnh chỉ giới hạn thẩm quyền của Tòa án, nơi Hội đồng trọng tài thụ lý vụ tranh chấp mới có quyền ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Điều này có thể gây khó khăn cho cả Tòa án và các bên trong quá trình áp dụng quy định này. Ví dụ, khi các bên khởi kiện ra Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam, theo Pháp lệnh, nếu muốn áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì chỉ được phép làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Hà Nội ra lệnh áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Khi đó, nếu tài sản nằm ở địa bàn khác thì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời sẽ không khả thi và không hợp lý.

Thứ sáu, vấn đề triệu tập nhân chứng. Pháp lệnh không xác lập cơ chế hỗ trợ của Tòa án đối với trọng tài trong việc thu thập chứng cứ và triệu tập nhân chứng. Do không có cơ chế hỗ trợ nêu trên các luật sư và doanh nghiệp vẫn băn khoăn khi lựa chọn trọng tài Việt Nam để giải quyết tranh chấp.

Thứ bảy, vấn đề xem xét thỏa thuận trọng tài, thẩm quyền giải quyết vụ tranh chấp của Hội đồng Trọng tài, Hội đồng trọng tài phải xem xét khi một bên có khiếu nại. Song, vấn đề phân định thẩm quyền giữa trọng tài và Tòa án trong trường hợp một bên khiếu nại ra cả Tòa án và trọng tài vẫn chưa được làm rõ.

Thứ tám, quy định về hủy quyết định trọng tài còn nhiều bất cập. Một trong những nguyên nhân khiến cho số lượng quyết định trọng tài bị yêu cầu hủy gia tăng đó là cơ chế hủy quyết định trọng tài quá đơn giản. Điều 50 của Pháp lệnh quy định “trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định trọng tài, nếu có bên không đồng ý với quyết định trọng tài thì có quyền làm đơn gửi Tòa án cấp tỉnh nơi hội

đồng trọng tài ra quyết định trọng tài, để yêu cầu hủy quyết định trọng tài”. Điều này vô hình trung đã khuyến khích các bên làm đơn yêu cầu hủy quyết định trọng tài với nhiều mục đích khác nhau đặc biệt là để kéo dài thời hạn thi hành quyết định trọng tài, để kịp thời tẩu tán tài sản.

Thứ chín, vấn đề địa điểm xét xử còn chưa hợp lý: Pháp lệnh quy định các bên có quyền thỏa thuận địa điểm giải quyết vụ tranh chấp; nếu không có thỏa thuận thì Hội đồng trọng tài quyết định, nhưng phải bảo đảm thuận tiện cho các bên trong việc giải quyết. Đây là quy định khó áp dụng trong thực tế. Trong nhiều trường hợp các bên có trụ sở tại những địa điểm khác nhau, hầu hết là ở các nước khác nhau, vì vậy rất khó có thể sắp xếp địa điểm giải quyết “thuận tiện cho cả hai bên”.

Thứ mười, vấn đề cách tính thời hiệu khởi kiện chưa được quy định rõ ràng: Tuy Pháp lệnh đã có quy định về thời hiệu khởi kiện vụ tranh chấp giải quyết bằng trọng tài là 02 năm, kể từ ngày xảy ra tranh chấp. Tuy nhiên, trong trường hợp tranh chấp phát sinh, một bên đã khởi kiện ra trọng tài trong thời hạn quy định và việc giải quyết tranh chấp tại trọng tài đã được kết thúc bằng một quyết định của Hội đồng Trọng tài. Nhưng sau đó, quyết định trọng tài lại bị Tòa án tuyên hủy. Như vậy, thời hiệu khởi kiện được tính từ khi nào, thời gian giải quyết tranh chấp tại trọng tài có được trừ vào thời hiệu khởi kiện không vẫn chưa được quy định.

Thứ mười một, một số trình tự thời gian: Một số quy định của Pháp lệnh còn quá chung chung. Ví dụ: Điều 24 khoản 3 cho phép thời hạn nộp bản tự bảo của Bị đơn vệ quá dài. Theo đó, Bị đơn có thể nộp bản tự bảo vệ vào bất kỳ thời điểm nào, miễn là trước ngày Hội đồng trọng tài mở phiên họp giải quyết vụ tranh chấp. Điều này rất dễ bị bên thiếu thiện chí lạm dụng để kéo dài quá trình tố tụng trọng tài. Tương tự là các vấn đề hoãn phiên họp giải quyết vụ tranh chấp được quy định tại Điều 41, theo đó nếu có lý do chính đáng, các bên có thể yêu cầu Hội đồng trọng tài hoãn phiên họp giải quyết vụ tranh chấp. Tuy nhiên, Pháp lệnh cũng không quy định

rõ thế nào là lý do chính đáng và thời hạn phải đưa ra yêu cầu hoãn là bao lâu trước ngày hội đồng trọng tài mở phiên họp giải quyết vụ tranh chấp.

Nhìn một cách tổng quát, mặc dù đã có những quy định khá tiến bộ so với trước đây, Pháp lệnh Trọng tài thương mại năm 2003 vẫn chưa đủ khả năng tạo ra những cơ sở pháp lý thực hiện chủ trương của Nhà nước ta khuyến khích các bên sử dụng Trọng tài trong giải quyết các tranh chấp thương mại và các tranh chấp khác.

2. Sau khi Luật trọng tài thương mại năm 2010 được ban hành

Trên cơ sở kế thừa những điểm tiến bộ và khắc phục những điểm hạn chế của Pháp lệnh trọng tài 2003, ngày 17/06/2010, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua Luật trọng tài thương mại năm 2010, gồm 13 chương, 82 điều. Luật mới có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2011 và thay thế cho Pháp lệnh trọng tài thương mại năm 2003 hết hiệu lực cùng ngày.

Một số điểm mới cơ bản của Luật trọng tài thương mại:

a) Phạm vi thẩm quyền

Pháp lệnh trọng tài thương mại quy định thẩm quyền trọng tài đối với các vụ việc phát sinh từ hoạt động thương mại theo phương pháp liệt kê nhóm vụ việc. Do tính chất quá cụ thể như vậy nên trong quá trình thi hành pháp lệnh nảy sinh vấn đề là những tranh chấp phát sinh từ hoạt động không được liệt kê trong pháp lệnh thì không thể lựa chọn giải quyết bằng trọng tài mặc dù hoạt động đó vẫn có tính chất thương mại. Mặt khác, khái niệm “hoạt động thương mại” trong pháp lệnh cũng chưa hoàn toàn đồng nhất với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật thương mại. Không những thế, quy định của pháp lệnh còn hạn chế việc áp dụng trọng tài với những tranh chấp mà theo các luật chuyên ngành khác, như Luật đầu tư, Bộ luật hàng hải, v.v. có thể áp dụng trọng tài.

Khắc phục hạn chế này, Điều 2 của Luật trọng tài thương mại năm 2010 quy định trọng tài có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp sau: tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại; tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại; tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng trọng tài.

Luật mới mở rộng và bảo đảm cho trọng tài quyền giải quyết hầu hết các tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại. Thông qua việc để mở khả năng trọng tài có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp không phát sinh từ hoạt động thương mại nhưng được pháp luật có liên quan quy định, Luật cũng khắc phục việc phân định không rõ ràng phạm vi thẩm quyền của trọng tài, trên cơ sở đó bảo đảm sự tương thích giữa các văn bản pháp luật hiện hành như Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật thương mại, Luật đầu tư và luật chuyên ngành.

b) Chủ thể tranh chấp

Pháp lệnh trọng tài thương mại quy định chỉ có tổ chức kinh doanh hoặc cá nhân kinh doanh mới có quyền lựa chọn trọng tài.

Thực tiễn áp dụng cho thấy, việc giới hạn phạm vi chủ thể tranh chấp chỉ bao gồm “tổ chức kinh doanh” và “cá nhân kinh doanh” khiến các bên tranh chấp và các trung tâm trọng tài gặp nhiều khó khăn, vướng mắc.

Về thuật ngữ “cá nhân kinh doanh”. Do Pháp lệnh và các văn bản hướng dẫn thi hành Pháp lệnh không giải thích thế nào là “cá nhân kinh doanh” nên có nhiều cách hiểu khác nhau về thuật ngữ này. Có quan điểm cho rằng, bất kỳ một cá nhân nào bỏ vốn ra để đầu tư, kinh doanh đều được gọi là cá nhân kinh doanh nhưng quan điểm khác lại cho rằng để được gọi là “cá nhân kinh doanh” thì cá nhân đó phải có đăng ký kinh doanh.

Ngoài ra, thuật ngữ “tổ chức kinh doanh” đã bỏ sót nhiều đơn vị tổ chức tuy không có chức năng kinh doanh nhưng có tham gia vào là một bên của hoạt động thương mại như các ban quản lý dự án, cơ quan hành chính sự nghiệp tham gia đấu thầu hoặc giao kết các hợp đồng, kể cả các hợp đồng mua sắm chính phủ, trong đó sử dụng trọng tài theo khuyến nghị của các nhà tài trợ, định chế tài chính quốc tế như Ngân hàng thế giới, Ngân hàng Phát triển châu Á v.v.

Những điểm bất cập trên đã khiến các trung tâm trọng tài phải từ chối giải quyết nhiều vụ tranh chấp do các bên tranh chấp không phải là “tổ chức kinh doanh” hoặc “cá nhân kinh doanh”. Rút kinh nghiệm từ thực tế này, Luật trọng tài thương mại không có giới hạn về phạm vi chủ thể tranh chấp. Tổ chức, cá nhân bất kỳ đều có thể thỏa thuận lựa chọn trọng tài để giải quyết tranh chấp miễn là lĩnh vực tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại.

c) Thỏa thuận trọng tài

Luật trọng tài thương mại năm 2010 đã khắc phục được sự không rõ ràng của Pháp lệnh TTTM về các trường hợp thỏa thuận trọng tài vô hiệu. Điều 18 của Luật giới hạn 06 tình huống thỏa thuận trọng tài bị coi là vô hiệu gồm:

(1) Tranh chấp phát sinh trong các lĩnh vực không thuộc thẩm quyền của trọng tài;

(2) Người xác lập thỏa thuận trọng tài không có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

(3) Người xác lập thỏa thuận trọng tài không có năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự;

(4) Hình thức của thỏa thuận trọng tài không phù hợp với quy định;

(5) Một trong các bên bị lừa dối, bị đe dọa, bị cưỡng ép trong quá trình xác lập thỏa thuận trọng tài và có yêu cầu tuyên bố thỏa thuận trọng tài đó là vô hiệu;

và (6) Thỏa thuận trọng tài vi phạm điều cấm của pháp luật.

Đặc biệt Luật đã bỏ quy định cũ của Pháp lệnh trọng tài thương mại về việc thỏa thuận trọng tài vô hiệu khi không chỉ rõ tên tổ chức trọng tài có thẩm quyền giải quyết. Ngoài ra, để giải quyết vấn đề thỏa thuận trọng tài không rõ ràng, Luật cho phép các bên có quyền thỏa thuận lại. Trong trường hợp không thỏa thuận được thì nguyên đơn có quyền được tự do lựa chọn tổ chức trọng tài mà mình cho là phù hợp để khởi kiện nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Quy định này góp phần ngăn chặn và giảm bớt tình trạng thỏa thuận trọng tài bị vô hiệu hoặc tình trạng không có cơ quan nào giải quyết tranh chấp.

d) Tranh chấp có một bên là người tiêu dùng

Theo Luật trọng tài thương mại năm 2010, lần đầu tiên có quy định về tranh chấp liên quan đến một bên là người tiêu dùng. Theo Điều 17 Luật trọng tài thương mại, đối với các tranh chấp giữa nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ và người tiêu dùng, dù điều khoản trọng tài đã được ghi nhận trong các điều kiện chung về cung cấp hàng hóa, dịch vụ do nhà cung cấp soạn sẵn thỏa thuận trọng tài thì người tiêu dùng vẫn được quyền lựa chọn trọng tài hoặc Tòa án để giải quyết tranh chấp. Nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ chỉ được quyền khởi kiện tại trọng tài nếu được người tiêu dùng chấp thuận. Quy định này dựa trên một thực tế là thông thường người tiêu dùng bị đặt ở một vị thế có nhiều nguy cơ bị lạm dụng bởi các điều kiện và điều khoản trong hợp đồng in sẵn của người bán hàng hoặc người cung cấp dịch vụ, do vậy cần có quy định bảo vệ họ trong các tình huống cần thiết.

e) Tiêu chuẩn trọng tài viên

Kế thừa Pháp lệnh trọng tài thương mại, Luật trọng tài thương mại năm vẫn có các quy định về tiêu chuẩn tối thiểu đối với trọng tài viên nhằm hình thành ở nước ta một đội ngũ trọng tài viên nòng cốt có năng lực, có tính chuyên nghiệp, có chuyên

môn và uy tín xã hội. Theo đó cá nhân có năng lực hành vi dân sự, có trình độ đại học trở lên và đã qua thực tế công tác từ năm năm trở lên có thể là trọng tài viên. Đặc biệt, để tạo điều kiện cho các bên tranh chấp có thể lựa chọn trọng tài viên phù hợp nhất để giải quyết vụ tranh chấp đòi hỏi chuyên môn sâu, Luật trọng tài thương mại năm 2010 có quy định mở, đó là trong trường hợp đặc biệt, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao và có nhiều kinh nghiệm thực tiễn, tuy không đáp ứng được yêu cầu trên cũng có thể được chọn làm trọng tài viên.

Khắc phục những hạn chế của Pháp lệnh trọng tài thương mại, Luật trọng tài thương mại không yêu cầu trọng tài viên phải có quốc tịch Việt Nam. Điều đó có nghĩa là người nước ngoài cũng có thể được chỉ định làm trọng tài viên ở Việt Nam nếu các bên tranh chấp hoặc tổ chức trọng tài tín nhiệm họ. Quy định này đáp ứng nhu cầu thực tế trong giai đoạn Việt Nam tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế.

f) Trọng tài quy chế

So với Pháp lệnh trọng tài thương mại, Luật trọng tài thương mại năm 2010 bổ sung một số nội dung dưới đây:

Luật trọng tài thương mại năm 2010 đã đưa ra định nghĩa pháp lý về trọng tài quy chế để thay cho khái niệm “Hội đồng trọng tài được thành lập tại Trung tâm trọng tài” do Pháp lệnh trọng tài thương mại quy định. Theo đó, trọng tài quy chế là hình thức trọng tài được tiến hành tại trung tâm trọng tài và theo quy tắc tổ tụng của trung tâm trọng tài.

Luật trọng tài thương mại năm 2010 cho phép các trung tâm trọng tài được ban hành quy tắc tổ tụng trọng tài phù hợp với đặc thù của mỗi trung tâm để tăng thêm tính hấp dẫn đối với các bên tranh chấp. Chỉ khi các bên không có thỏa thuận hoặc quy tắc tổ tụng trọng tài của trung tâm trọng tài không có quy định khác, lúc đó Luật mới đưa ra quy định hướng dẫn.

Cuối cùng, Luật trọng tài thương mại năm 2010 còn cho phép tổ chức trọng tài nước ngoài được mở chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

g) Thẩm quyền của hội đồng trọng tài

Luật trọng tài thương mại năm 2010 đã nâng vị thế của trọng tài một cách đáng kể thông qua việc cho phép hội đồng trọng tài được thu thập chứng cứ (Điều 47), triệu tập nhân chứng (Điều 48), áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời (Điều 50). Điều này sẽ giúp cho tổ tụng trọng tài vận hành có hiệu quả hơn.

h) Căn cứ hủy phán quyết trọng tài

Luật đã hạn chế nguy cơ phán quyết của trọng tài bị Tòa án tuyên hủy bởi quy định không phù hợp của Pháp lệnh trọng tài thương mại như quy định về quyền của một bên được gửi đơn lên toà án yêu cầu hủy quyết định trọng tài nếu “không đồng ý với quyết định trọng tài”, bởi vì các quy định này của Pháp lệnh đã làm cho tổ tụng trọng tài trở nên rất rủi ro và làm mất đi tính chung thẩm của phán quyết trọng tài.

Về căn cứ hủy phán quyết trọng tài, Luật quy định các căn cứ rõ ràng, cụ thể, phù hợp với Luật Mẫu UNCITRAL, xóa bỏ một số căn cứ hủy phán quyết trọng tài không rõ ràng được quy định trong Pháp lệnh trọng tài thương mại như “Bên yêu cầu chứng minh được trong quá trình giải quyết vụ tranh chấp có Trọng tài viên vi phạm nghĩa vụ của Trọng tài viên”.

Theo Điều 68 Luật trọng tài thương mại năm 2010, các căn cứ hủy phán quyết trọng tài gồm:

- (1) Không có thoả thuận trọng tài hoặc thoả thuận trọng tài vô hiệu;
- (2) Thành phần hội đồng trọng tài, thủ tục tổ tụng trọng tài không phù hợp với thoả thuận của các bên hoặc trái với các quy định của Luật trọng tài thương mại;

(3) Vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của hội đồng trọng tài; trường hợp phán quyết trọng tài có nội dung không thuộc thẩm quyền của hội đồng trọng tài thì nội dung đó bị huỷ;

(4) Chứng cứ do các bên cung cấp mà hội đồng trọng tài căn cứ vào đó để ra phán quyết là giả mạo; Trọng tài viên nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác của một bên tranh chấp làm ảnh hưởng đến tính khách quan, công bằng của phán quyết trọng tài;

(5) Phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

Một điểm khác biệt nữa so với Pháp lệnh trọng tài thương mại là Luật trọng tài thương mại năm 2010 đã phân chia nghĩa vụ chứng minh về căn cứ huỷ thành 2 trường hợp. Đối với các căn cứ huỷ số (1), (2), (3), (4) bên yêu cầu huỷ có nghĩa vụ chứng minh. Đối với yêu cầu huỷ phán quyết trọng tài theo căn cứ số (5), Tòa án có trách nhiệm chủ động xác minh thu thập chứng cứ để quyết định huỷ hay không huỷ phán quyết trọng tài.

i) Cấm hành vi mâu thuẫn trong tố tụng

Một trong những quy định mới của Luật trọng tài thương mại năm 2010 là đã tiếp thu một nguyên tắc cấm hành vi mâu thuẫn trong tố tụng là nguyên tắc rất quan trọng đã hình thành lâu đời trong pháp luật tố tụng của các nước phát triển, quy định tại Điều 13, theo đó một bên phát hiện có vi phạm quy định của Luật trọng tài thương mại hoặc của thỏa thuận trọng tài mà vẫn tiếp tục thực hiện tố tụng trọng tài và không phản đối những vi phạm trong thời hạn do Luật này quy định thì mất quyền phản đối tại trọng tài hoặc Tòa án. Quy định này nhằm ngăn chặn một cách có hiệu quả các hành vi cơ hội trong tố tụng trọng tài.

j) Quan hệ giữa Tòa án với trọng tài

Một trong những tâm điểm quan trọng nhất của Luật trọng tài thương mại năm 2010 là giải quyết mối quan hệ giữa trọng tài với toà án trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ tranh chấp của các bên. Luật đã đưa ra một loạt các quy định mới nhằm xác định mối quan hệ pháp lý quan trọng này. Cụ thể Điều 7 Luật trọng tài thương mại năm 2010 xác định rõ Tòa án nào có thẩm quyền đối với hoạt động trọng tài. Quy định này đã khắc phục được những bất cập của Pháp lệnh trọng tài thương mại. Tính xác định và rõ ràng này của Luật sẽ tạo điều kiện để các toà án và hội đồng trọng tài cũng như các bên tranh chấp tránh được lúng túng trong các trường hợp cụ thể. Và đó chính là điều kiện thuận lợi để trọng tài hoạt động có hiệu quả.

k) Thủ tục hủy phán quyết trọng tài

Về thủ tục Tòa án xét đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, khác với Pháp lệnh trọng tài thương mại, thủ tục Tòa án xét đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài chỉ có một cấp và có giá trị chung thẩm. Việc Luật quy định một hội đồng gồm ba thẩm phán xem xét đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài và quyết định của hội đồng là chung thẩm có hiệu lực thi hành ngay là phù hợp.

Tóm lại, Luật trọng tài thương mại được ban hành năm 2010 đã kế thừa và phát huy Pháp lệnh trọng tài thương mại, với nhiều điểm mới quan trọng, phù hợp với thông lệ quốc tế, tạo ra khung pháp lý mới cho sự phát triển của hoạt động trọng tài thương mại tại Việt Nam.

